TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số**: 26/**2019/HS-ST
Ngày: 15-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà***:** Ông Lê Thành Liêm
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2019/TLST-HS ngày 20/3/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HS ngày 02/5/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Bá S, sinh ngày 20/4/1979, tại Thanh Hóa; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Làng X, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; vợ Bế Thị T_1; sinh năm 1987; bị cáo có 2 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án: không ; Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 24/02/1998 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 14 năm tù về tội giết người. Chấp hành án xong vào ngày 31/8/2005.

Ngày 20/12/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành án xong ngày 31/10/2007.

Bị cáo bị bắt ngày 03/10/2018 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Nông Văn N, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã Đ, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 02/10/2018 Nguyễn Bá S một mình điều kiển xe mô tô biển số 67AM-015.51 đi từ thành phố Đ qua thị xã B để nhận việc làm, do đã có hẹn với Nông Văn N tại ngã tư huyện C (vì N và S làm cùng một nơi) khi đi gần tới ngã tư huyện C, S gặp người tên H là người quen ngoài xã hội (không rõ nhân thân lai lịch), biết S nghiện ma túy nên H có cho S một gói ma túy để sử dụng.

Sau khi nhận ma túy do H cho, S tiếp tục đến địa điểm đã hẹn đón N. Gặp N, S giao xe mô tô cho N điều kiển chở S. Khi N và S đi đến đoạn đường quốc lộ 13 thuộc tổ 4, ấp 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước lúc này khoản 00 giờ thì N và S bị lực lượng Công an huyện H dừng xe kiểm tra phát hiện thu giữ trong người S 01 gói nylon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể nghi là ma túy nên đưa S về trụ sở làm việc và S khai nhận đó là ma túy đá do một người tên H cho. Công an lập biên bản thu giữ của Sơn 01 gói nylon hàn kín, bên trong có chứa tinh thể màu trắng niêm phong có chữ ký xác nhận của S và đưa đi giám định tại phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, theo kết quả giám định xác định chất màu trắng đem đi giám định là methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSHQ ngày 19 tháng 3 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Nguyễn Bá S về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự .

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát viên thực hành quyền công tố bảo vệ quan điểm của bản cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá S phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá S từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù.

Ngoài ra, Cáo trạng còn đề nghị hội đồng xét xử xử lý vật chứng và tài sản do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ theo quy định.

Bị cáo không tranh luận, không kêu oan và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã ăn năn, hối cải xin hội đồng xét xử xem xét và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, lời khai của bị cáo phù hợp về thời gian, địa điểm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đầy đủ căn cứ khách quan để xác định:

Ngày 03/10/2018 S được đối tượng tên là H (không rõ nhân thân) cho Sơn 01 gói ma túy đá và S đã cất giữ trong túi quần đã mục đích để sử dụng nhưng chưa sử dụng đã bị lực lượng Công an huyện H kiểm tra và phát hiện trên người S có cất giấu một gói nylon bên trong có chất màu trắng (nghi là ma túy) và S thừa nhận là ma túy nên đã lập biên bản thu giữ niêm phong sau đó đưa đi giám định.

Theo kết luận giám định số: 324/2018/GĐKTHS ngày 08/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

Tinh thể màu trắng có trong 01 gói nylon (ký kiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng là 0,5037gam, loại Methamphetamine.

Bị cáo S thừa nhận số ma túy nói trên là do bị cáo nhận của đối tượng tên H tại huyện C cho mục đích là đem về để sử dụng ngoài ra không còn mục đích gì khác. Như vậy có căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Bá S về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, là mầm mống của các tệ nạn xã hội khác. Bị cáo biết rõ việc tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 24/02/1998 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 14 năm tù về tội giết người. Chấp hành án xong vào ngày 31/8/2005.

Ngày 20/12/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 31/10/2007 chấp hành xong hình phạt. Tính đến lần phạm tội này, tuy bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích nhưng cho thấy bản thân bị cáo trước đó đã 2 lần bị Tòa án xét xử về hành vi phạm tội khác nhau, bản thân bị cáo biết rõ tác hại của ma túy và đó cũng là tệ nạn xã hội mà nhà nước ta đang ra sức bài trừ, mặc dù bị cáo chỉ tàng trữ ma túy để sử dụng riêng cho bản thân, nhưng đó cũng là tạo ra gánh nặng cho gia đình và xã hội cần áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi vi phạm của bị cáo gây ra, giúp cho bị cáo cải tạo và cai nghiện trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo còn có 2 người con còn nhỏ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà áp dụng hình phạt tù có thời hạn là cần thiết phù hợp với tính chất và mức đội vi phạm của bị cáo nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Vật chứng vụ án:

Số ma túy sau khi đem đi giám định còn lại là: 0,3541 gam là chất cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động thu giữ trong quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo.

Đối với xe mô tô mà bị cáo sử dụng bị cáo không có tài liệu gì chứng minh là tài sản hợp pháp của bị cáo. Qua tra cứu Cơ quan Cảnh sát điều tra đã biết được nguồn gốc xe nhưng chưa liên lạc được với chủ sở hữu do vậy cần giao cho Cơ quan Công an giải quyết theo thẩm quyền.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Bá S phạm tội: " Tàng trữ trái phép chất ma túy".

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày 03/10/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Về vật chứng vụ án: *Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:*

Tịch thu tiêu hủy số ma túy sau khi đem đi giám định còn lại 0,3541gam; 02 (hai) đoạn băng keo màu đen.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Bá S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu xám - đen như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng số 0005677 ngày 02/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEHAN (Wave), số loại 50, màu sơn Trắng mang biển kiểm soát 67AM-015.51, số máy RPKFM1P39FMB00033555, số khung RPKDCB2PKEH003555 xử lý theo thẩm quyền.

(Vật chứng đã được chuyển cho cơ quan thi hành án theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số số 0005677 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước).

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Nguyễn Bá S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

<u>Nơi nhận</u> :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNVCS CA H;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Thành Liêm